



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT  
TRIỂN GIÁO DỤC PHƯƠNG NAM**

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

**Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020**

**MỤC LỤC**

**Trang**

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
Báo cáo tài chính giữa niên độ	
• Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 32

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020 đã được soát xét.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 309/NXBGDQP ngày 23/03/2007 của Nhà Xuất bản Giáo dục. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103006644 ngày 09/05/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp (từ khi thành lập đến nay Công ty đã 7 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần thay đổi gần nhất vào ngày 29/06/2017 và mã số doanh nghiệp hiện nay là 0304952106), hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 458/QĐ - SGDHN ngày 11/08/2009 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SED. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 19/08/2009.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 028 73035556
- Fax: (84) 028 38300702
- Website: [www.phuongnam.edu.vn](http://www.phuongnam.edu.vn)

### Ngành nghề kinh doanh chính

- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý phát hành sách báo, tạp chí có nội dung được phép lưu hành. Phát hành sách và ấn phẩm (có nội dung được phép lưu hành);
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế đồ họa; Thiết kế tạo mẫu (trừ thiết kế công trình xây dựng);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch thuật;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán thiết bị, dụng cụ giáo dục, thiết bị dạy học;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán thiết bị, dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, giấy và lịch;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục. Chi tiết: Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, biên tập sách. Tư vấn du học;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: Sản xuất thiết bị dạy học, giấy và sản phẩm từ giấy (không tái chế phế thải, gia công cơ khí và xi mạ điện tại trụ sở);
- Sản xuất khác chưa phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất băng đĩa từ tính, quang học và sao chép bản ghi (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (trừ dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản). Cho thuê văn phòng, nhà xưởng;



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- In ấn. Chi tiết: In bao bì (không hoạt động tại trụ sở). Sản xuất văn phòng phẩm, giấy và lịch (không sản xuất tại trụ sở);
- Dịch vụ liên quan đến in. Chi tiết: Dịch vụ in ấn: đóng bìa, gáy sách, mạ nhũ, mạ vàng, nhuộm màu bìa sách;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Mua bán sách, tạp chí, băng đĩa (không mua bán, cho thuê băng đĩa tại trụ sở).

### **Nhân sự**

Tổng số công nhân viên đến ngày 30/06/2020 là 104 người. Trong đó, nhân viên quản lý là 22 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này gồm có:

### **Hội đồng quản trị**

- |                      |              |                              |
|----------------------|--------------|------------------------------|
| • Ông Đinh Gia Lê    | Chủ tịch     | Bổ nhiệm ngày 26/04/2019     |
| • Ông Lê Huy         | Phó Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 26/05/2017     |
| • Bà Lê Phương Mai   | Ủy viên      | Tái bổ nhiệm ngày 26/05/2017 |
| • Bà Bùi Thu Giang   | Ủy viên      | Bổ nhiệm ngày 16/04/2018     |
| • Ông Phạm Vĩnh Thái | Ủy viên      | Bổ nhiệm ngày 26/04/2019     |

### **Ban Kiểm soát**

- |                         |            |                          |
|-------------------------|------------|--------------------------|
| • Bà Nguyễn Thị Chanh   | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 26/05/2017 |
| • Bà Đỗ Thị Phương Thảo | Ủy viên    | Bổ nhiệm ngày 26/05/2017 |
| • Ông Đoàn Xuân Linh    | Ủy viên    | Bổ nhiệm ngày 26/05/2017 |

### **Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

- |                    |                   |                              |
|--------------------|-------------------|------------------------------|
| • Ông Lê Huy       | Tổng Giám đốc     | Bổ nhiệm ngày 26/05/2017     |
| • Bà Mai Ngọc Liên | Phó Tổng Giám đốc | Tái bổ nhiệm ngày 26/05/2017 |
| • Bà Lê Phương Mai | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 20/09/2018     |
| • Bà Phạm Lan Anh  | Kế toán trưởng    | Bổ nhiệm ngày 20/09/2018     |

### **Kiểm toán độc lập**

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở:



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc



Lê Huy

Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2020



## CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 919/BCSX-AAC

### BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ lập ngày 12/08/2020 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 5 đến trang 32 bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 “Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện”.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

#### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2020 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

**Trần Thị Phương Lan - Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKKH kiểm toán: 0396-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 08 năm 2020



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ngày 30 tháng 06 năm 2020

Mẫu số B 01 – DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>438.082.872.167</b>	<b>325.274.827.202</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>21.394.075.477</b>	<b>74.143.358.069</b>
1. Tiền	111		21.394.075.477	19.143.358.069
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	55.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>175.932.161.601</b>	<b>73.539.193.977</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	142.919.070.530	39.946.420.021
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	33.344.643.475	34.549.297.401
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8.a	4.881.396.447	1.417.317.312
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(5.212.948.851)	(2.373.840.757)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>232.536.134.515</b>	<b>174.410.896.392</b>
1. Hàng tồn kho	141		237.874.621.340	181.777.582.619
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.338.486.825)	(7.366.686.227)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>8.220.500.574</b>	<b>3.181.378.764</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11.a	8.107.666.499	3.181.378.764
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	112.834.075	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>75.006.878.541</b>	<b>80.304.617.298</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>22.390.369.898</b>	<b>22.342.369.898</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	8.b	22.390.369.898	22.342.369.898
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.671.510.460</b>	<b>3.371.520.171</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	2.671.510.460	3.371.520.171
- Nguyên giá	222		12.461.389.932	12.461.389.932
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.789.879.472)	(9.089.869.761)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>14.044.284.746</b>	<b>13.807.684.746</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	14.044.284.746	13.807.684.746
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>15</b>	<b>5.318.732.919</b>	<b>9.160.872.919</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		6.770.000.000	18.544.300.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.451.267.081)	(9.383.427.081)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>30.581.980.518</b>	<b>31.622.169.564</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11.b	30.581.980.518	31.622.169.564
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>513.089.750.708</b>	<b>405.579.444.500</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Ngày 30 tháng 06 năm 2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>290.349.786.124</b>	<b>184.762.735.947</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>290.349.786.124</b>	<b>184.762.735.947</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	108.444.513.280	36.130.404.384
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	3.747.169.206	6.464.278.356
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	4.166.527.203	3.270.742.202
4. Phải trả người lao động	314		2.632.059.088	5.361.715.237
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	30.407.088.764	2.245.215.032
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	456.426.891	16.396.074.295
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	134.301.971.175	104.303.193.900
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.194.030.517	10.591.112.541
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>222.739.964.584</b>	<b>220.816.708.553</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>222.739.964.584</b>	<b>220.816.708.553</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	21	(71.500.000)	(71.500.000)
3. Cổ phiếu quỹ	415	21	(11.541.426.210)	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	119.001.756.070	119.001.756.070
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	21	1.886.452.483	1.886.452.483
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	13.464.682.241	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		13.464.682.241	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>513.089.750.708</b>	<b>405.579.444.500</b>




Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2020

Kế toán trưởng

  
Phạm Lan Anh

Người lập

  
Nguyễn Thị Phương

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG  
KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020

Mẫu số B 02 - DN

Ban hành theo Thông tư số

200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2020 VND	6 tháng đầu năm 2019 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	22	237.243.336.665	409.971.606.508
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	209.649.269	3.962.736.574
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		237.033.687.396	406.008.869.934
4. Giá vốn hàng bán	11	24	166.306.538.025	293.552.651.382
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng &amp; cc dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>70.727.149.371</b>	<b>112.456.218.552</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	1.324.604.851	1.878.034.800
7. Chi phí tài chính	22	26	4.602.328.584	5.443.771.567
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	3.026.420.587	2.929.483.006
8. Chi phí bán hàng	25	27.a	32.125.554.876	43.262.580.134
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27.b	16.928.987.304	23.443.553.568
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>18.394.883.458</b>	<b>42.184.348.083</b>
11. Thu nhập khác	31	28	450.000.000	-
12. Chi phí khác	32	29	308.179.992	164.331.018
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>141.820.008</b>	<b>(164.331.018)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>18.536.703.466</b>	<b>42.020.017.065</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	5.072.021.225	9.480.714.564
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>13.464.682.241</b>	<b>32.539.302.501</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	1.160	2.701
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	31	1.160	2.701



Tổng Giám đốc

Lê Huy

Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2020

Kế toán trưởng

Phạm Lan Anh

Người lập

Nguyễn Thị Phương



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020

Mẫu số B 03 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm 2020 VND	6 tháng đầu năm 2019 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	131.343.927.737	292.238.328.005
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(155.642.450.016)	(260.966.297.013)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(12.346.023.216)	(16.325.167.629)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(3.253.001.467)	(3.064.460.049)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(1.968.217.037)	(2.104.907.473)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.938.103.346	8.381.877.151
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(16.561.829.522)	(10.475.883.389)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(56.489.490.175)</b>	<b>7.683.489.603</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(236.600.000)	(647.436.364)
2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	300.000.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.219.456.518	954.556.539
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>1.282.856.518</b>	<b>307.120.175</b>
<b>1. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền trả lại VG cho các CSH, mua lại CP của DN đã PH	32	(11.541.426.210)	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	141.630.958.175	119.436.614.805
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(111.632.180.900)	(137.736.467.571)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(16.000.000.000)	(16.000.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>2.457.351.065</b>	<b>(34.299.852.766)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(52.749.282.592)</b>	<b>(26.309.242.988)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>74.143.358.069</b>	<b>84.714.544.731</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>21.394.075.477</b>	<b>58.405.301.743</b>



Lê Huy

Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2020

Kế toán trưởng

Phạm Lan Anh

Người lập

Nguyễn Thị Phương



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành  
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

### 1. Đặc điểm hoạt động

#### 1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 309/NXBGDQP ngày 23/03/2007 của Nhà Xuất bản Giáo dục. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103006644 ngày 09/05/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp (từ khi thành lập đến nay Công ty đã 7 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần thay đổi gần nhất vào ngày 29/06/2017 và mã số doanh nghiệp hiện nay là 0304952106), hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 458/QĐ - SGDHN ngày 11/08/2009 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SED. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 19/08/2009.

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính:** Sản xuất và kinh doanh thương mại.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý phát hành sách báo, tạp chí có nội dung được phép lưu hành. Phát hành sách và ấn phẩm (có nội dung được phép lưu hành);
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế đồ họa; Thiết kế tạo mẫu (trừ thiết kế công trình xây dựng);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch thuật;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán thiết bị, dụng cụ giáo dục, thiết bị dạy học;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán thiết bị, dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, giấy và lịch;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục. Chi tiết: Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, biên tập sách. Tư vấn du học;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: Sản xuất thiết bị dạy học, giấy và sản phẩm từ giấy (không tái chế phế thải, gia công cơ khí và xi mạ điện tại trụ sở);
- Sản xuất khác chưa phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất băng đĩa từ tính, quang học và sao chép bản ghi (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (trừ dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản). Cho thuê văn phòng, nhà xưởng;
- In ấn. Chi tiết: In bao bì (không hoạt động tại trụ sở). Sản xuất văn phòng phẩm, giấy và lịch (không sản xuất tại trụ sở);
- Dịch vụ liên quan đến in. Chi tiết: Dịch vụ in ấn: đóng bìa, gáy sách, mạ nhũ, mạ vàng, nhuộm màu bìa sách;

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Mua bán sách, tạp chí, băng đĩa (không mua bán, cho thuê băng đĩa tại trụ sở).

### 2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Riêng báo cáo tài chính giữa niên độ này lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020 (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

### 4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

#### 4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 4.2 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: Phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

#### 4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

**4.4 Tài sản cố định hữu hình****Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

**Khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện khấu hao nhanh gấp hai lần đối với các tài sản cố định là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị dụng cụ quản lý. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Máy móc, thiết bị	2,5
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5

**4.5 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

**Dự phòng**

Dự phòng đối với khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào khoản lỗ của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### **4.6 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Căn cứ vào tính chất và mức độ của chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### **4.7 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả bao gồm: Phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

### **4.8 Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa

### **4.9 Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

#### *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hoá vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hoá chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

### **4.10 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

### ***Cổ phiếu quỹ***

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

### ***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

### ***4.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác***

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

### ***4.12 Các khoản giảm trừ doanh thu***

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### **4.13 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

### **4.14 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: Chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

### **4.15 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

### **4.16 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

### **4.17 Công cụ tài chính**

#### **Ghi nhận ban đầu**

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

#### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 4.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT:
  - + Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế;
  - + Sách tham khảo không hỗ trợ cho sách giáo khoa: Áp dụng thuế suất 5%;
  - + Lịch: Áp dụng thuế suất 10%;
  - + Các hoạt động khác: Áp dụng thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### 4.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

## 5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2020	01/01/2020
Tiền mặt	386.837.311	187.658.243
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	21.007.238.166	18.955.699.826
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn không quá 3 tháng	-	55.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>21.394.075.477</b>	<b>74.143.358.069</b>

## 6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2020	01/01/2020
Công ty CP Phát hành sách Thành phố Hồ Chí Minh - Fahasa	11.617.667.263	6.643.225.805
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Đắc Lắc	10.472.569.975	722.458.769
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh	25.423.912.852	135.370.242
Nhà sách Anh Thư	13.607.442.400	2.823.048.480
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam	-	2.576.792.287
Các đối tượng khác	81.797.478.040	27.045.524.438
<b>Cộng</b>	<b>142.919.070.530</b>	<b>39.946.420.021</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	Mối quan hệ	30/06/2020	01/01/2020
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư	-	2.576.792.287
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư	1.969.634.765	213.046.470
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	Chung công ty đầu tư	1.387.493.467	1.263.150
Công ty CP Sách- Thiết bị Trường Học Tiền Giang	Chung công ty đầu tư	1.493.066.855	93.835.890
Công ty CP Sách - Thiết bị Vĩnh Long	Chung công ty đầu tư	2.759.351.580	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	531.982.856	278.060.520
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Chung công ty đầu tư	-	431.353.452
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường Học TP. HCM	Chung công ty đầu tư	25.423.912.852	135.370.242
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư	-	46.504.467
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Chung công ty đầu tư	-	461.260.229
<b>Cộng</b>		<b>33.565.442.375</b>	<b>4.237.486.707</b>

### 7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2020	01/01/2020
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Nhà ở và Khu đô thị	24.841.219.000	14.788.494.000
Nhà máy in Bộ Quốc Phòng	-	1.388.043.800
Công ty CP Giấy Phụng Vĩnh Hưng	-	9.936.091.570
Phải trả cho các đối tượng khác	8.503.424.475	8.436.668.031
<b>Cộng</b>	<b>33.344.643.475</b>	<b>34.549.297.401</b>

### 8. Phải thu khác

#### a. Ngắn hạn

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu về thuế TNCN của NLD	-	-	888.445.645	-
Tạm ứng	990.236.447	-	290.000.000	-
Ký quỹ, ký cược	225.080.000	-	220.080.000	-
Lãi dự thu	-	-	18.791.667	-
Phải thu về nhượng bán cổ phần	3.666.080.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.881.396.447</b>	<b>-</b>	<b>1.417.317.312</b>	<b>-</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### b. Dài hạn

	30/06/2020	01/01/2020
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (*)	22.222.369.898	22.222.369.898
Ký quỹ, ký cược dài hạn	168.000.000	120.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>22.390.369.898</u></b>	<b><u>22.342.369.898</u></b>

(\*) Là khoản góp vốn với Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (đơn vị trực thuộc của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam) để xây dựng Cao ốc văn phòng tại 104 Mai Thị Lựu, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh ba bên số 108HD/2011 ngày 01/04/2011 và các phụ lục điều chỉnh. Tổng số vốn góp là 50 tỷ đồng, trong đó Công ty góp 22,5 tỷ đồng. Ngày 01/07/2014, các bên đã thống nhất ký Phụ lục hợp đồng số 01 giao cho Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam thực hiện dự án thay thế cho chủ thể cũ là Nhà xuất bản Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh. Theo báo cáo kiểm toán dự án hoàn thành, tổng giá trị quyết toán công trình là 49.383.044.219 đồng, trong đó giá trị góp của Công ty là 22.222.369.898 đồng (tương ứng tỷ lệ 45%).

### 9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2020	01/01/2020
Dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn thanh toán:		
- Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	2.386.283.906	176.934.641
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	202.376.816	835.744.223
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	1.044.433.975	538.439.010
- Từ 3 năm trở lên	1.579.854.154	822.722.883
<b>Cộng</b>	<b><u>5.212.948.851</u></b>	<b><u>2.373.840.757</u></b>

### 10. Hàng tồn kho

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	43.887.521.648	-	23.625.456.935	-
Chi phí SX, KD dở dang	26.949.662.466	-	47.640.486.104	-
Thành phẩm	110.607.782.447	2.169.461.682	51.486.986.308	5.551.232.827
Hàng hóa	56.429.654.779	3.169.025.143	59.024.653.272	1.815.453.400
<b>Cộng</b>	<b><u>237.874.621.340</u></b>	<b><u>5.338.486.825</u></b>	<b><u>181.777.582.619</u></b>	<b><u>7.366.686.227</u></b>

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, khó tiêu thụ tại 30/06/2020 là 5.338.486.825 đồng.
- Không có hàng tồn kho dùng để cầm cố, thế chấp để đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 30/06/2020.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 11. Chi phí trả trước

#### a. Ngắn hạn

	30/06/2020	01/01/2020
Thuế GTGT đầu vào chờ phân bổ cho hàng chưa tiêu thụ	4.530.933.182	2.011.472.842
Chi phí tổ chức bản thảo, lệ phí xuất bản sách bổ trợ	3.576.733.317	1.169.905.922
<b>Cộng</b>	<b>8.107.666.499</b>	<b>3.181.378.764</b>

#### b. Dài hạn

	30/06/2020	01/01/2020
Chi phí tổ chức bản thảo	31.599.000	227.116.816
Chi phí bảo hiểm nhân thọ cho CBNV	6.050.466.667	6.540.066.667
Chi phí thuê đất (*)	24.499.914.851	24.854.986.081
<b>Cộng</b>	<b>30.581.980.518</b>	<b>31.622.169.564</b>

(\*) Xem Thuyết minh số 36.

### 12. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Số dư đầu kỳ			Số dư cuối kỳ		
	Số phải thu/ Còn được khấu trừ	Số phải nộp	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số phải thu/ Còn được khấu trừ	Số phải nộp
Thuế GTGT	-	491.249.069	755.864.426	1.359.947.570	112.834.075	-
Thuế TNDN	-	1.002.029.384	5.072.021.225	1.968.217.037	-	4.105.833.572
Thuế TNCN	-	1.777.463.749	898.111.556	2.614.881.674	-	60.693.631
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>3.270.742.202</b>	<b>6.728.997.207</b>	<b>5.946.046.281</b>	<b>112.834.075</b>	<b>4.166.527.203</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***13. Tài sản cố định hữu hình**

	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu kỳ	647.275.200	11.485.081.262	329.033.470	12.461.389.932
Mua sắm trong kỳ	-	-	-	-
T/lý, nhượng bán	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>647.275.200</b>	<b>11.485.081.262</b>	<b>329.033.470</b>	<b>12.461.389.932</b>
<b>Khấu hao</b>				
Số đầu kỳ	647.275.200	8.113.561.091	329.033.470	9.089.869.761
Khấu hao trong kỳ	-	700.009.711	-	700.009.711
T/lý, nhượng bán	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>647.275.200</b>	<b>8.813.570.802</b>	<b>329.033.470</b>	<b>9.789.879.472</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu kỳ	-	3.371.520.171	-	3.371.520.171
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>2.671.510.460</b>	<b>-</b>	<b>2.671.510.460</b>

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2020 là 8.639.736.963 đồng.
- Không có tài sản cố định dùng để cầm cố, thế chấp các khoản vay tại ngày 30/06/2020.

**14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/06/2020	01/01/2020
Công trình kho Tân Phú Trung	14.044.284.746	13.807.684.746
<b>Cộng</b>	<b>14.044.284.746</b>	<b>13.807.684.746</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 15. Đầu tư tài chính dài hạn

				30/06/2020		01/01/2020	
	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác							
- Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định (*)	Đang hoạt động	7,50%	7,50%	770.000.000	-	770.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư Xuất bản - Thiết bị giáo dục Việt Nam (**)	Đang hoạt động	5,52%	5,52%	6.000.000.000	1.451.267.081	6.000.000.000	1.451.267.081
- Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục				-	-	11.774.300.000	7.932.160.000
<b>Cộng</b>				<b>6.770.000.000</b>	<b>1.451.267.081</b>	<b>18.544.300.000</b>	<b>9.383.427.081</b>

(\*) Cổ phiếu của Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định hiện không niêm yết tại các Sở Giao dịch chứng khoán. Kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2020 của Công ty này có lãi và không có lỗ lũy kế tính đến thời điểm ngày 30/06/2020. Do đó, khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, không trích lập dự phòng.

(\*\*) Công ty chưa nhận được Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2020 của Công ty CP Đầu tư Xuất bản – Thiết bị giáo dục Việt Nam, nên dự phòng tạm giữ nguyên theo Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty nhận đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***16. Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2020	01/01/2020
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	18.250.469.213	16.902.821.809
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	1.569.311.670	1.333.821.190
Nhà Xuất Bản Giáo Dục tại Tp. Hồ Chí Minh	25.385.758.215	4.095.127.374
Công ty Cổ phần giấy Phùng Vĩnh Hưng	20.521.772.241	-
NXB Pearson (bản quyền tiếng Anh)	1.865.820.060	5.008.856.860
Phải trả cho các đối tượng khác	40.851.381.881	8.789.777.151
<b>Cộng</b>	<b>108.444.513.280</b>	<b>36.130.404.384</b>

*Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan*

	Mối quan hệ	30/06/2020	01/01/2020
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hồ Chí Minh	Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư	25.385.758.215	4.095.127.374
Cty CP ĐT và PT Công Nghệ Văn Lang	Chung công ty đầu tư	42.900.000	
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hà Nội	Chung công ty đầu tư	388.731.080	20.143.400
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư	77.651.338	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	2.052.050	-
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Chung công ty đầu tư	530.060.810	385.743.540
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Chung công ty đầu tư	751.238.388	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư	18.250.469.213	16.902.821.809
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư	1.569.311.670	1.333.821.190
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư	811.506.277	1.358.778.842
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung công ty đầu tư	1.278.821.329	74.962.370
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Chung công ty đầu tư	231.186.000	-
Công ty CP In Sách Giáo khoa tại Tp.HCM	Chung công ty đầu tư	57.185.741	-
Công ty CP Học liệu	Chung công ty đầu tư	2.506.185.550	102.084.238
Công ty CP Bàn đồ - Tranh ảnh Giáo dục	Chung công ty đầu tư	147.028.480	-
<b>Cộng</b>		<b>52.030.086.141</b>	<b>24.273.482.763</b>

**17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	30/06/2020	01/01/2020
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Đồng Nai	1.278.370.793	1.167.158.653
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Bà Rịa - Vũng Tàu	-	843.867.225
Cô Lê Thị Thúy - Sở Giáo Dục và Đào Tạo Long An	845.912.716	1.858.347.524
Công ty Cổ phần giáo dục Tân Việt	1.000.000.000	-
Đối tượng khác	622.885.697	2.594.904.954
<b>Cộng</b>	<b>3.747.169.206</b>	<b>6.464.278.356</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2020	01/01/2020
Chi phí biên tập sách	3.499.504.328	877.416.929
Chi phí phát triển thị trường	9.785.764.852	829.888.500
Chi phí lãi vay	190.242.082	416.822.962
Chi phí khác	16.931.577.502	121.086.641
<b>Cộng</b>	<b>30.407.088.764</b>	<b>2.245.215.032</b>

### 19. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2020	01/01/2020
Kinh phí công đoàn	298.228.138	396.074.295
Thuế TNCN của CBCNV	158.198.753	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	16.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>456.426.891</b>	<b>16.396.074.295</b>

### 20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn	104.303.193.900	141.630.958.175	111.632.180.900	134.301.971.175
<i>Ngân hàng HSBC</i>	<i>53.549.710.209</i>	<i>67.113.947.851</i>	<i>56.549.710.209</i>	<i>64.113.947.851</i>
<i>Ngân hàng Standard Chartered</i>	<i>35.798.939.527</i>	<i>45.922.910.319</i>	<i>40.127.926.527</i>	<i>41.593.923.319</i>
<i>Ngân hàng HongLeong Bank</i>	<i>14.954.544.164</i>	<i>28.594.100.005</i>	<i>14.954.544.164</i>	<i>28.594.100.005</i>
<b>Cộng</b>	<b>104.303.193.900</b>	<b>141.630.958.175</b>	<b>111.632.180.900</b>	<b>134.301.971.175</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**21. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ (*)	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2019	100.000.000.000	(71.500.000)	-	103.615.017.025	1.886.452.483	16.000.000.000
Tăng trong năm	-	-	-	15.386.739.045	-	37.815.348.247
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	53.815.348.247
Số dư tại 31/12/2019	<u>100.000.000.000</u>	<u>(71.500.000)</u>	<u>-</u>	<u>119.001.756.070</u>	<u>1.886.452.483</u>	<u>-</u>
Số dư tại 01/01/2020	100.000.000.000	(71.500.000)	-	119.001.756.070	1.886.452.483	-
Tăng trong kỳ	-	-	(11.541.426.210)	-	-	13.464.682.241
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2020	<u>100.000.000.000</u>	<u>(71.500.000)</u>	<u>(11.541.426.210)</u>	<u>119.001.756.070</u>	<u>1.886.452.483</u>	<u>13.464.682.241</u>

(\*) Công ty mua lại cổ phiếu quỹ theo Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐQT ngày 03/01/2020. Số lượng cổ phiếu quỹ đã mua lại là 728.200 cổ phiếu.

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	30/06/2020	01/01/2020
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	43.390.000.000	43.390.000.000
Các cổ đông khác	56.610.000.000	56.610.000.000
<b>Cộng</b>	<u>100.000.000.000</u>	<u>100.000.000.000</u>

**c. Cổ phiếu**

	30/06/2020 Cổ phiếu	01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	728.200	-
- Cổ phiếu phổ thông	728.200	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.271.800	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.271.800	10.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

	6 tháng đầu năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	-	16.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp năm nay	13.464.682.241	37.815.348.247
Phân phối lợi nhuận	-	53.815.348.247
Phân phối lợi nhuận kỳ trước	-	16.000.000.000
- Chia cổ tức cho cổ đông	-	16.000.000.000
Phân phối lợi nhuận kỳ này	-	37.815.348.247
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	15.386.739.045
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	4.537.841.790
- Trích quỹ thù lao, khen thưởng Ban điều hành	-	1.890.767.412
- Chia cổ tức cho cổ đông	-	16.000.000.000
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>13.464.682.241</b>	<b>-</b>

Công ty tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 20/NQ-ĐHCD-SED ngày 26/04/2019 và được phê duyệt theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 20/NQĐHCD-SED ngày 28/05/2020.

**22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Doanh thu sách giáo khoa, sách bổ trợ	142.526.861.488	229.215.931.093
Doanh thu sách tham khảo	85.624.390.718	134.700.180.170
Doanh thu khác	9.092.084.459	46.055.495.245
<b>Cộng</b>	<b>237.243.336.665</b>	<b>409.971.606.508</b>

**23. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Hàng bán bị trả lại	209.649.269	3.962.736.574
<b>Cộng</b>	<b>209.649.269</b>	<b>3.962.736.574</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***24. Giá vốn hàng bán**

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Giá vốn sách giáo khoa, sách bổ trợ	103.410.596.196	164.175.049.148
Giá vốn sách tham khảo	56.019.555.301	83.705.216.755
Giá vốn sản phẩm khác	8.904.585.930	44.971.883.227
Dự phòng/ (Hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	(2.028.199.402)	700.502.252
<b>Cộng</b>	<b><u>166.306.538.025</u></b>	<b><u>293.552.651.382</u></b>

**25. Doanh thu hoạt động tài chính**

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Lãi tiền gửi	1.108.264.851	1.878.034.800
Cổ tức, lợi nhuận được chia	92.400.000	-
Lãi từ bán khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư Tài chính	123.940.000	-
Giáo dục		
<b>Cộng</b>	<b><u>1.324.604.851</u></b>	<b><u>1.878.034.800</u></b>

**26. Chi phí tài chính**

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Chi phí lãi vay	3.026.420.587	2.929.483.006
Chiết khấu thanh toán	1.575.907.997	855.238.784
Dự phòng tổn thất đầu tư	-	1.659.049.777
<b>Cộng</b>	<b><u>4.602.328.584</u></b>	<b><u>5.443.771.567</u></b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***27. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp****a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ**

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Chi phí vận chuyển	2.531.986.000	3.737.666.510
Tiền lương và các khoản trích theo lương	7.366.060.721	13.801.975.853
Chi phí khấu hao tài sản cố định	242.113.312	153.400.420
Chi phí phát triển thị trường	10.234.564.293	12.864.704.305
Chi phí tập huấn	5.793.657.258	6.101.874.571
Các khoản khác	5.957.173.292	6.602.958.475
<b>Cộng</b>	<b><u>32.125.554.876</u></b>	<b><u>43.262.580.134</u></b>

**b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ**

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Tiền lương và các khoản trích theo lương	5.658.287.001	10.551.135.440
Chi phí khấu hao tài sản cố định	457.896.399	370.720.415
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	2.839.108.094	1.484.813.839
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.593.481.390	5.177.460.004
Các khoản khác	5.380.214.420	5.859.423.870
<b>Cộng</b>	<b><u>16.928.987.304</u></b>	<b><u>23.443.553.568</u></b>

**28. Thu nhập khác**

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Nhận tiền bảo hiểm hàng hóa	450.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>450.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>

**29. Chi phí khác**

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Các khoản truy thu thuế, phạt thuế	308.179.992	164.331.018
<b>Cộng</b>	<b><u>308.179.992</u></b>	<b><u>164.331.018</u></b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18.536.703.466	42.020.017.065
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	1.992.464.397	2.068.672.546
Điều chỉnh tăng	2.084.864.397	2.068.672.546
- Chi phí không hợp lệ	1.648.522.224	1.858.876.363
- Chi phí khấu hao xe vượt quá 1,6 tỷ	128.162.181	45.465.165
- Chi phí phạt thuế	308.179.992	164.331.018
Điều chỉnh giảm	92.400.000	-
- Cổ tức lợi nhuận được chia	92.400.000	-
Tổng thu nhập chịu thuế	20.529.167.863	44.088.689.611
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>5.072.021.225</b>	<b>9.480.714.564</b>
<b>Trong đó:</b>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	4.105.833.572	8.817.737.922
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	966.187.653	662.976.642

### 31. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.464.682.241	32.539.302.501
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(2.288.995.981)	(5.531.681.425)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi) (*)	2.288.995.981	5.531.681.425
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.175.686.260	27.007.621.076
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	9.633.888	10.000.000
<b>Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.160</b>	<b>2.701</b>

(\*) Số liệu quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành dùng để điều chỉnh khi tính chỉ tiêu lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu căn cứ vào tỷ lệ trích kế hoạch quy định tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên hằng năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***32. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	66.821.172.156	141.003.654.757
Chi phí nhân công	76.810.304.034	115.841.409.749
Chi phí khấu hao tài sản cố định	700.009.711	524.120.835
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.897.580.591	61.753.327.216
Chi phí khác bằng tiền	11.461.424.512	12.462.382.345
<b>Cộng</b>	<b><u>198.690.491.004</u></b>	<b><u>331.584.894.902</u></b>

**33. Báo cáo bộ phận**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh sách - thiết bị trường học và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

**34. Quản lý rủi ro****a. Quản lý rủi ro về vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

**b. Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có biến động lớn về lãi suất và giá.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu phát sinh từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Công ty chủ yếu vay vốn ngắn hạn với lãi suất cố định. Do đó, rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***Quản lý rủi ro về giá**

Chi phí giấy và chi phí công in là 2 khoản chi phí chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi phí sản xuất. Đối với chi phí công in thì các Nhà cung cấp chính của Công ty đều thuộc hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam nên giá cả ổn định, ít biến động. Đối với chi phí giấy, để đảm bảo tính ổn định giá thành sản phẩm, Công ty thường xuyên theo dõi tình hình biến động giá để có phương án dự trữ nguyên vật liệu phù hợp. Do đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro do biến động giá của Công ty ở mức thấp.

**Quản lý rủi ro tín dụng**

Khách hàng của Công ty phần lớn là các công ty trong hệ thống Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống, thanh toán tiền hàng kịp thời, do đó Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và các đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

<b>30/06/2020</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Phải trả người bán	108.444.513.280	-	108.444.513.280
Chi phí phải trả	30.407.088.764	-	30.407.088.764
Vay và nợ thuê tài chính	134.301.971.175	-	134.301.971.175
<b>Cộng</b>	<b>273.153.573.219</b>	<b>-</b>	<b>273.153.573.219</b>
<b>01/01/2020</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Phải trả người bán	36.130.404.384	-	36.130.404.384
Chi phí phải trả	2.245.215.032	-	2.245.215.032
Vay và nợ thuê tài chính	104.303.193.900	-	104.303.193.900
Phải trả khác	16.000.000.000	-	16.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>158.678.813.316</b>	<b>-</b>	<b>158.678.813.316</b>

Công ty hiện có rủi ro thanh khoản trong ngắn hạn. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có khả năng thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

<b>30/06/2020</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.394.075.477	-	21.394.075.477
Đầu tư tài chính	-	5.318.732.919	5.318.732.919
Phải thu khách hàng	137.706.121.679	-	137.706.121.679
Phải thu khác	3.891.160.000	22.390.369.898	26.281.529.898
<b>Cộng</b>	<b>162.991.357.156</b>	<b>27.709.102.817</b>	<b>190.700.459.973</b>
<b>01/01/2020</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	74.143.358.069	-	74.143.358.069
Đầu tư tài chính	-	9.160.872.919	9.160.872.919
Phải thu khách hàng	37.572.579.264	-	37.572.579.264
Phải thu khác	238.871.667	22.342.369.898	22.581.241.565
<b>Cộng</b>	<b>111.954.809.000</b>	<b>31.503.242.817</b>	<b>143.458.051.817</b>

**35. Thông tin về các bên liên quan****a. Các bên liên quan**

	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (Sau đây gọi tắt là "Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam")	Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hà Nội	Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Đà Nẵng	Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hồ Chí Minh	Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư
Nhà Xuất Bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ	Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường Học Tiền Giang	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Vĩnh Long	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Đại học Dạy nghề	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học liệu	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường Học TP. HCM	Chung công ty đầu tư
Tạp chí Văn học và Tuổi trẻ	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư
Công ty CP In SGK tại Thành phố Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Bản đồ - Tranh ảnh Giáo dục	Chung công ty đầu tư



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

	Giao dịch	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
<b>Bán hàng</b>			
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cung ứng lịch, STK	10.000.000	-
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	Cung ứng lịch, STK	2.840.320.967	6.977.036.360
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	Cung ứng lịch, STK	4.671.934.765	8.653.226.685
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường Học Tp. HCM	Cung ứng lịch, STK	29.514.436.591	42.334.080.700
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường Học Tiền Giang	Cung ứng lịch, STK	4.268.369.180	10.651.520.150
Công ty CP Sách - Thiết bị Vĩnh Long	Cung ứng lịch, STK	3.236.333.120	6.910.801.863
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cung ứng lịch, STK	286.969.536	233.431.800
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Cung ứng lịch, STK	300.801.600	18.150.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Cung ứng lịch, STK	3.110.400	-
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cung ứng lịch, STK	5.860.800	33.000.000
Công ty CP Học liệu	Cung ứng lịch, STK	5.852.676.457	1.675.873.721
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cung ứng lịch, STK	336.795.080	173.641.130
Công ty CP Sách Giáo dục tại Tp.HCM	Cung ứng lịch, STK	137.623.160	828.980.450
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Cung ứng lịch, STK	3.004.675.404	4.070.899.657
<b>Mua hàng</b>			
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Mua SGK, STK	12.861.251.072	20.672.100.000
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hồ Chí Minh	Mua SGK, STK	14.597.388.600	858.000.000
	Chi phí tổ chức bản thảo	26.697.963.686	25.095.194.703
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Mua SGK, STK	388.731.080	1.477.046.480
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Mua SGK, STK	263.831.015	139.278.890
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Mua SGK, STK	2.052.050	-
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Mua SGK, STK	21.450.000	260.289.044
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Mua SGK, STK	1.663.527.750	2.079.427.850
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Mua SGK, STK	231.186.000	-
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Mua SGK, STK	4.456.643.304	4.457.807.136
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường Học TP. HCM	Mua SGK, STK	4.214.560.659	5.064.756.316
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Mua SGK, STK	356.758.550	2.537.585.040
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Gia Định	Mua SGK, STK	1.538.206.080	3.988.401.500
Công ty CP Học liệu	Mua đĩa CD, sách, VPP	10.357.072.176	15.648.774.905
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Mua sách bổ trợ, STK	32.476.800	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Mua sách bổ trợ, STK	1.369.291.962	1.729.274.776
Công ty CP In SGK tại Thành phố Hồ Chí Minh	Chi phí in	967.344.161	1.353.382.692
Công ty CP Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang	Chi phí phần mềm	85.800.000	-
Công ty CP Bản đồ - Tranh ảnh Giáo dục	Mua SGK, STK	147.028.480	-
<b>Thu nhập của HĐQT và Ban Tổng giám đốc</b>			
	Tiền lương của BTGD	1.718.490.035	1.469.292.967
	Tiền thưởng của HĐQT	388.888.884	411.111.105
	Tiền thù lao của HĐQT	210.600.000	216.000.000



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 36. Cam kết thuê hoạt động

Công ty có cam kết thuê hoạt động theo Hợp đồng thuê đất số 12/HĐTD/SCD-2018 ngày 19/01/2018 về việc thuê 12.571,9 m<sup>2</sup> đất ở Đường D4 và N2 Lô A 5, Khu Công Nghiệp Tân Phú Trung, Xã Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh với thời hạn thuê kể từ ngày 19/01/2018 đến ngày 16/12/2054 để thực hiện dự án “Kho sách – Giấy Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 7731323272 ngày 25/12/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

### 37. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### 38. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019. Các Báo cáo này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.


**Tổng Giám đốc**  
  
**Lê Huy**

Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2020

**Kế toán trưởng**

  
**Phạm Lan Anh**

**Người lập**

  
**Nguyễn Thị Phương**